

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ QUỐC TẾ DECA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ QUỐC TẾ DECA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DECA INTERNATIONAL MEDICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DECA IMD JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109505841

**3. Ngày thành lập:** 22/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

8B Nơ 8 Khu đô thị mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0928891551

Fax:

Email: [ungthudeca@gmail.com](mailto:ungthudeca@gmail.com)

Website: [ungthudeca.com](http://ungthudeca.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết:<br>- Phòng khám đa khoa.<br>- Phòng khám chuyên khoa, bao gồm: Phòng khám nội tổng hợp; Phòng khám chuyên khoa thuộc hệ nội: Tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nhi và chuyên khoa khác thuộc hệ nội; Phòng khám tư vấn sức khỏe hoặc phòng tư vấn sức khỏe qua các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông; Phòng khám chuyên khoa ngoại; Phòng khám chuyên khoa răng - hàm - mặt; Phòng khám chuyên khoa tai - mũi - họng; Phòng khám chuyên khoa mắt; Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ; Phòng khám chuyên khoa phục hồi chức năng; Phòng khám chuyên khoa dinh dưỡng; Phòng xét nghiệm; Phòng khám chẩn đoán hình ảnh, Phòng X-Quang; Phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng; Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp; Phòng khám chuyên khoa khác.<br>- Cơ sở dịch vụ y tế bao gồm: Cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà; Cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh trong nước và ra nước ngoài; Cơ sở dịch vụ kính thuốc; Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ; Cơ sở dịch vụ y tế khác. | 8620(Chính) |
| 2.  | Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế<br>Chi tiết: Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8610        |
| 3.  | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn và chăm sóc y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8699        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4.  | Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc<br>Chi tiết: Hoạt động chăm sóc sức khỏe người già (không lưu trú bệnh nhân)                                                            | 8730 |
| 5.  | Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (trừ lưu trú bệnh nhân).                                                                                                                                                                        | 8710 |
| 6.  | Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng (trừ lưu trú bệnh nhân).                                                                                                                                                           | 8692 |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                             | 4632 |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn dụng cụ y tế;<br>Bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế;<br>Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>Thực phẩm chức năng;                                                             | 4649 |
| 9.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Thực phẩm chức năng                                                                                                                                                      | 4773 |
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                               | 4722 |
| 11. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Cơ sở bán lẻ thuốc: nhà thuốc, quầy thuốc.                                                                                             | 4772 |
| 12. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                      | 7212 |
| 13. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                    | 7213 |
| 14. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội<br>Chi tiết: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực tâm lý học;<br>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học giáo dục | 7221 |
| 15. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                                                                                   | 7222 |
| 16. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                   | 7211 |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ thăm dò ý kiến công chúng)                                                                                                                                                                       | 7320 |
| 18. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.<br>(trừ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán và chứng khoán).                                                                 | 6619 |

|     |                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>Tư vấn giáo dục;<br>Đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục                                                                                           | 8560 |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán và chứng khoán).                                                                                   | 7020 |
| 21. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                     | 2100 |
| 22. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Thực phẩm chức năng                                                                                                           | 1079 |
| 23. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng                                                      | 7490 |
| 24. | Giáo dục thể thao và giải trí<br>Chi tiết:<br>- Dạy thể thao<br>- Dạy thể dục;<br>- Dạy bơi;<br>- Dạy yoga.<br>- Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp; | 8551 |
| 25. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                          | 9311 |
| 26. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                               | 3250 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG THU THỦY    | Số nhà 29 ngõ 9, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông         | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    | 024179000541                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số                   | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM THỊ VÂN NGỌC | Nhà 210, CT2-ĐN1, Khu đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 013141654                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      | Tổng số                   | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                                                                               |                                    |         |               |        |                  |
|---|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGÔ<br>TRƯỜNG SON | P707 Tòa 17T2<br>CC Hapulico Số 1<br>Nguyễn Huy<br>Tường, Phường<br>Thanh Xuân<br>Trung, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 150.000 | 1.500.000.000 | 30,000 | 0400790000<br>03 |
|   |                   |                                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                                               | Tổng số                            | 150.000 | 1.500.000.000 | 30,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG THU THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 28/07/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 024179000541

Ngày cấp: 15/05/2019

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 29 ngõ 9, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 29 ngõ 9, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội